

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2020/HS-ST
Ngày 26-3-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Mão

Ông Nguyễn Hồng Đại

- Thư ký phiên tòa: Ông Dương Minh Nghĩa - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Hoài Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 05/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Đỗ Trọng B, sinh ngày 04 tháng 8 năm 1970 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: đường A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: Lớp 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Văn N (đã chết) và bà: Ngô Thị Việt H; có vợ là Nguyễn Thị H (đã ly hôn) và 01 con; tiền án: Bản án số 16/PTHS ngày 26/6/1992, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản xã hội chủ nghĩa, 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân, bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 45 tháng tù; Bản án số 45/HSST ngày 27/6/1994, Toà án nhân dân quận Ngô Quyền xử phạt 36 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân; Bản án số 276/STHS ngày 29/6/1998, Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân; Bản án số 74/2006/HSST ngày 25/5/2006, Tòa án nhân dân thị xã Hà Đông xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; Bản án sơ thẩm số 67 ngày 10/4/2014, Tòa án nhân dân quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng xử phạt 48 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

tiền sự, nhân thân: Không; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 16/9/2019; có mặt.

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1958; nơi cư trú: Số 31 A2 tập thể Đồng Tâm, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Những người làm chứng*: Ông Lê Hùng S, bà Đỗ Thị N; cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 16/9/2019, Đỗ Trọng B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu xám bạc, biển kiểm soát 16P6-5418 mục đích tìm thuê nhà. Khi đến khu tập thể Đồng Tâm, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng, B dừng xe tại chân cầu thang khu tập thể A2 Đồng Tâm thì gặp và hỏi bà Nguyễn Thị M (sinh năm 1958; nơi cư trú: Số 31A2 Đồng Tâm, phường Lạch Tray, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng) về việc có ai cho thuê nhà không. Bà M dẫn B lên tầng 3 khu tập thể và chỉ cho B nhà cho thuê. Do chủ nhà đi vắng, nhà cho thuê đóng cửa và nhà Bà M có kết cấu tương tự nhà cho thuê nên Bà M để B vào nhà mình xem kết cấu nhà. Khi B vừa từ trong nhà Bà M đi ra đến cửa thì Bà M phát hiện thấy mất 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC E0417 màu đen để ở dưới sàn nhà. Bà M đuổi theo B và hô hoán: “Trộm, trộm ..., giữ thằng này lại”. Lúc này, ông Lê Hùng S đang đứng ở chân cầu thang nghe tiếng hô của Bà M nên chạy đuổi theo và bám vào đuôi xe mô tô của B. Khi đến trước cửa nhà số 2A3 Đồng Tâm thì B bị ông S, Bà M và tổ công tác Công an phường Lạch Tray bắt giữ. Thu giữ trong túi quần phía sau bên trái B đang mặc 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC E0417 màu đen và 01 xe mô tô Yamaha Jupiter, màu xám bạc, biển kiểm soát 16P6-5418.

Tại kết luận định giá tài sản số 44/KL-HĐ ngày 11/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Ngô Quyền kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC E0417 màu đen đã qua sử dụng đến thời điểm xâm hại có giá 500.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị M đã nhận lại chiếc điện thoại HTC và không có yêu cầu bồi thường.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu HTC E0417 màu đen đã qua sử dụng đã được thu hồi, trả lại bị hại. 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu xám bạc, biển kiểm soát 16P6-5418 chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp.

Tại bản Cáo trạng số 04/CT-VKSNQ ngày 13/01/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã truy tố bị cáo Đỗ Trọng B về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Trọng B thừa nhận có việc bị cáo vào nhà Bà M để xem nhà vì nhà Bà M có kết cấu giống nhà bị cáo muốn thuê. Khi vào nhà chỉ có bị cáo và Bà M. Sau khi ra khỏi nhà Bà M, bị cáo xuống lấy xe máy nổ máy đi được khoảng vài mét, có nghe tiếng hô "trộm, trộm" của Bà M và người làm chứng ông S nhưng bị cáo không dừng lại và bị bắt giữ. Khi đó bị cáo thấy có chiếc điện thoại HTC màu đen trong túi quần bên trái phía sau của bị cáo. Lúc đó bị cáo mới biết đó là điện thoại của Bà M. Bị cáo B không thừa nhận đã chiếm đoạt chiếc điện thoại của Bà M và cho rằng có người đã để điện thoại của Bà M vào túi quần bị cáo nhưng bị cáo không biết là ai và đứt điện thoại vào túi quần bị cáo vào lúc nào. Bị cáo thừa nhận không quen biết và không có mâu thuẫn gì với Bà M và những người làm chứng. Bị cáo B nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt và được cải tạo ngoài xã hội.

Bị hại và những người làm chứng được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa, có lời khai trong hồ sơ thể hiện thấy Bà M đuổi theo Đỗ Trọng B, nghe thấy Bà M kêu "trộm, trộm" nhưng B vẫn không dừng xe nên ông S đã kéo đuôi xe máy B lại. Sau đó, B bị bắt và thu được trong túi quần bên trái phía sau bị cáo chiếc điện thoại HTC của Bà M.

Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 (mẹ đẻ bị cáo được nhận Huy chương kháng chiến hạng nhất); xử phạt bị cáo Đỗ Trọng B mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Chiếc điện thoại di động HTC E0417 màu đen đã qua sử dụng đã được thu hồi trả lại cho bị hại nên không đặt vấn đề giải quyết. Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu xám bạc, biển kiểm soát 16P6-5418 chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan điều tra tách ra làm rõ, xử lý sau.

Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng:

[1] Việc khởi tố, điều tra, truy tố và ban hành quyết định khởi tố, truy tố; áp dụng biện pháp ngăn chặn; tổng đạt các văn bản tố tụng; lấy lời khai của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác; thời hạn điều tra, truy tố; thủ tục định giá trong tố tụng hình sự về cơ bản đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về việc vắng mặt bị hại và những người làm chứng:

[2] Bị hại bà Nguyễn Thị M và những người làm chứng ông Lê Hùng S và bà Đỗ Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có lời khai và quan điểm thể hiện trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án vắng mặt bị hại Nguyễn Thị M và những người làm chứng theo quy định tại các điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Về căn cứ xác định tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo:

[3] Mặc dù bị cáo Đỗ Trọng B không thừa nhận việc chiếm đoạt chiếc điện thoại di động HTC của bà Nguyễn Thị M nhưng bị cáo thừa nhận không quen biết và không có mâu thuẫn với bị hại và những người làm chứng. Khi vào nhà Bà M chỉ có bị cáo và Bà M trong nhà. Khi ra khỏi nhà Bà M bị cáo nghe thấy Bà M hô “trộm, trộm” và người làm chứng S giữ đuôi xe mô tô của bị cáo nhưng bị cáo không dừng xe lại cho đến khi bị bắt giữ. Bị cáo cũng thừa nhận thu trong túi quần bên trái phía sau của bị cáo chiếc điện thoại di động HTC. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, kết luận định giá có trong hồ sơ vụ án và vật chứng thu giữ; vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Đỗ Trọng B đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, lén lút chiếm đoạt chiếc điện thoại di động HTC E0417 màu đen đã qua sử dụng của bà Nguyễn Thị M, trị giá tài sản theo kết luận của Hội đồng định giá là 500.000 đồng. Bị cáo đã có 05 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản đều chưa được xóa án tích nên hành vi của bị cáo Đỗ Trọng B đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[4] Việc truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đối với bị cáo Đỗ Trọng B về tội danh và điều luật áp dụng là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân mà còn xâm phạm trật tự công cộng, gây mất trị an xã hội. Bị cáo đã có 05 tiền án đều về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án

tích; mặc dù lần phạm tội này bị cáo chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000 đồng nên không làm căn cứ để áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nhưng cũng thể hiện bị cáo có nhân thân xấu, có ý thức coi thường pháp luật; tại phiên tòa không thành khẩn khai báo, không ăn năn hối cải. Vì vậy, cần cách ly bị cáo Đỗ Trọng B ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như đáp ứng yêu cầu phòng ngừa chung.

[6] Tuy nhiên cũng cần xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt vì bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; bị cáo có mẹ đẻ là bà Ngô Thị Việt H được tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhất theo quy định tại điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

[7] Bị hại Nguyễn Thị M đã nhận tài sản bị cáo B chiếm đoạt và không có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, màu xám bạc, biển kiểm soát 16P6-5418 chưa xác định được chủ sở hữu hợp pháp nên Cơ quan điều tra tách ra làm rõ, xử lý sau.

- Về án phí:

[9] Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14; bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo:

[10] Bị cáo Đỗ Trọng B, bị hại Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; các điều 292, 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự; xử phạt bị cáo Đỗ Trọng B 15 (mười lăm) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016

của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, bị cáo Đỗ Trọng B phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo đối với bản án: Căn cứ vào khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự, bị cáo Đỗ Trọng B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại bà Nguyễn Thị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND quận Ngô Quyền;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- CQĐT Công an quận Ngô Quyền;
- Đội CSHTTP Công an quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- PV27 Công an thành phố Hải Phòng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Minh Thu